

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST

Ngày 22 - 3 -2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Mai Tường Vi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 295/2021/TLST - HNGĐ ngày 07/12/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 14/02/2022 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2022/TB-TA ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Kim N1 - Sinh năm 19xx.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ x khu x, phường T, thành phố P, tỉnh N;
Chỗ ở hiện nay: Tổ x, khu S1, phường S, thành phố P, tỉnh N. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D - Sinh năm 19xx.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ x, khu x, phường T, thành phố P, tỉnh N;
Chỗ ở hiện nay: Tổ xx, khu xx, phường P1, thành phố P, tỉnh N. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2021, lời tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đồng Thị Kim N1 trình bày: Chị Đồng Thị Kim N1 và anh Nguyễn Tiến D kết hôn vào năm 20xx có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P1. Sau khi kết hôn, chị N1 và anh D chung sống cùng gia đình nhà chồng tại tổ xx, khu xx, phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N1, anh D không hợp về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi, đánh nhau và chị N1 còn bị anh D đuổi ra

khỏi nhà. Để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên năm 2017 chị N1 anh D đã thống nhất mua nhà ở riêng. Nhưng cuộc sống vợ chồng sau đó tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 7/2018, chị N1 về nhà ngoại ở tổ 3, khu Tây Sơn 1, phường S, vợ chồng sống ly thân. Đến tháng 8/2021 do thương con và muốn kèm cho con trước khi học lớp 1 nên chị N1 đã về chung sống cùng anh D. Tuy nhiên vì ghen tuông nên anh D đã xúc phạm, đánh đập chị N1, chị N1 không chịu đựng được nên lại về nhà ngoại ở cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh D cố tình không đến Tòa án và còn tiếp tục đánh đập, đe dọa chị N1. Vì vậy chị N1 khẳng định tình cảm giữa chị N1 với anh D không còn nữa, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Chị Đồng Thị Kim N1 và anh Nguyễn Tiến D có hai con chung là Nguyễn Đồng Đức H, sinh ngày xx/x20xx và Nguyễn Đồng Duy N1, sinh ngày xx/xx/20xx. Chị N1 xin trực tiếp nuôi con Nguyễn Đồng Duy N1 còn anh Hùng trực tiếp nuôi con Nguyễn Đồng Đức H. Chị N1 không phải cấp dưỡng cho con Hùng, anh D không phải cấp dưỡng cho con Nam.

Tài sản chung: Chị N1 và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Tiến D nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo thay đổi thời gian xét xử của Tòa án, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt với quan điểm cụ thể như sau: Anh D và chị N1 kết hôn với nhau vào năm 20xx, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P1. Vợ chồng chung sống bình thường cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N1 có tình cảm với người khác. Vợ chồng từ đó thường xuyên bất hòa, không có tiếng nói chung. Từ năm 20xx chị N1 về nhà ngoại, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Anh D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục nên đồng ý ly hôn.

Anh Nguyễn Tiến D và chị Đồng Thị Kim N1 có hai con chung như chị N1 đã trình bày. Khi ly hôn, anh D đồng ý với quan điểm chị N1 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đồng Duy N1; anh D nuôi dưỡng con Nguyễn Đồng Đức H. Anh D không phải cấp dưỡng cho con Nam và chị N1 không phải cấp dưỡng cho con Hùng.

Biên bản xác minh khu phố ngày 23/12/2021 nơi chị N1, anh D chung sống tại tổ x, khu x, phường T và theo lời khai của ông Nguyễn Tiến T1 - bố anh Nguyễn Tiến D được biết vợ chồng chị N1, anh D do mâu thuẫn nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không dành tình cảm cho nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đồng Thị Kim N1 yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến D hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Tiến D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo thay đổi thời gian xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, chị N1, anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim N1 và anh Nguyễn Tiến D kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N1 và anh D bất đồng quan điểm sống, do anh D không tin tưởng chị N1 về tình cảm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi nhau. Chị N1, anh D đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng được một thời gian ngắn mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra. Vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân, không dành tình cảm cho nhau. Lời khai của chị N1, anh D về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị N1, anh D tại nơi cư trú và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N1, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N1 đối với anh D.

[3] Về con chung: Chị N1, anh D có hai con chung là Nguyễn Đồng Đức H, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Đồng Duy N1, sinh ngày 01/01/2018. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, chị N1 trực tiếp nuôi con Nam, anh D trực tiếp nuôi con Hùng, các con chung đều phát triển tốt về thể chất và trí tuệ. Thực tế này phù hợp với quan điểm về con chung của chị N1, anh D. Do đó giao con Nguyễn Đồng Duy N1 cho chị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Nguyễn Đồng Đức H cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cho đến khi các con chung thành niên. Chị N1, anh D không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Chị N1, anh D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; *vay nợ chung*: Không có.

[5] Về án phí: Chị Đồng Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị Kim N1 và anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đồng Thị Kim N1.

Về hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim N1 được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Giao chị Đồng Thị Kim N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đồng Duy N1, sinh ngày 01/01/20xx; anh Nguyễn Tiến D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đồng Đức H, sinh ngày 03/4/20xx; cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đồng Thị Kim N1 không phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Đồng Đức H; anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Đồng Duy N1. Chị N1 và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đồng Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị N1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005xxx ngày xx/xx/20xx của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị N1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đồng Thị Kim N1, bị đơn anh Nguyễn Tiến D, vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Túc